

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2746/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 496/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 528/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ 9B, khu phố Miếu, phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Minh Tuấn**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Tổ 9B, khu phố Miếu, phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh Lê Minh T tự tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Tân nay là phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2004. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 26/4/2005 và cháu Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/12/2009. Đối với cháu Tr đã trên 18 tuổi chị Mai không đề nghị xem xét. Ly hôn, chị M đề nghị được nuôi dưỡng cháu H. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để làm việc, hòa giải và xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M đối với bị đơn anh Lê Minh T về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh Tuấn, về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/12/2009 cho chị Mai trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Tuấn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 26/4/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Chị M khai không có, không yêu cầu giải quyết, anh T vắng mặt không có lời khai nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh Tuấn và đề nghị giao con chung chưa trưởng thành cho chị Mai trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị Tuyết M là nguyên đơn, anh Lê Minh T là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Minh T hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 12/4/2024, chị Mai có đơn xin vắng mặt. anh Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Minh T tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Tân nay là phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2004 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Mai xác định không còn tình cảm với anh Tuấn, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 13/3/2024 (Bút lục 31) nơi chị M và anh T hiện đang sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa các đương sự có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được do các đương sự không trình báo và không có đơn đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

[4.2] Theo phiếu xác minh tình trạng cư trú đối với anh Lê Minh T ngày 03/01/2024 (Bút lục 30) Công an phường Phước Tân cung cấp, anh Lê Minh T có đăng ký hộ khẩu tại tổ 9B, khu phố Miếu, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hiện nay anh Tuấn vẫn đang sinh sống tại địa phương nên đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy anh Tuấn có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Mai. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Mai và anh Tuấn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về con chung: **Quá trình chung sống chị M và anh T có 02 con chung** là cháu Lê Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 26/4/2005 và cháu Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/12/2009. Đối với cháu Tr đã trên 18 tuổi chị M không đề nghị xem xét. Ly hôn, chị M đề nghị được nuôi dưỡng cháu Hiếu. Không yêu cầu anh Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của chị M là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng chị M (Bút lục 32), cháu Hiếu lại là con gái đang trong giai đoạn phát triển về mặt tâm sinh lý của tuổi dậy thì rất cần sự quan tâm, gần gũi và chỉ dạy của người mẹ nên việc giao cháu H cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là rất cần thiết. Tạm thời, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[4.5] Về nợ chung: Không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết Mai phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M đối với bị đơn anh Lê Minh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu số 0009744 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. **Chị Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp xong án phí.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.B
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào